

A. THỰC TRẠNG

Thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ có thể định nghĩa rõ ràng, nhưng thị trường tài chính khó định nghĩa hơn. Thị trường chứng khoán là nơi mua và bán các cổ phiếu, trái phiếu của các xí nghiệp. Muốn được bán chúng, luật pháp, như luật của nước Pháp quy định, các xí nghiệp phải công khai tài chính 3 năm liên, để cho những người mua cổ phần biết xí nghiệp lời lỗ như thế nào, các bản kế toán được công bố phải có chữ ký của các chuyên viên kế toán được thừa nhận có thẩm quyền v.v... Thị trường tiền tệ được hình thành do các ngân hàng: ngân hàng mua các số tiền ký thác định kỳ và hoạt kỳ với lãi suất

nhu cầu vốn. Sau đó đánh giá thị trường tài chính hiện nay so với nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh đất nước, việc tháo gỡ các khó khăn để cho công nghiệp và nông nghiệp đạt tốc độ phát triển cao hơn.

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC XÍ NGHIỆP VIỆT NAM

1. DNNN

Từ đỉnh cao 12.300 DN vào cuối năm 1989, số DNNN sau các đợt sắp xếp lại chỉ còn hơn 6.000 hiện nay và dự trù sẽ còn giảm nữa. Tính đến ngày 1-1-1996, tổng số vốn của các DNNN là 109.000 tỷ đồng, bình quân 1 DNNN có 18 tỷ đồng vốn. Thiết bị thường lạc hậu 4-5 thế hệ. Có 5% được

trang bị mới lại, song hơn 60% máy nhập về đã được sản xuất trước 1960, 15% được sản xuất cuối thập kỷ 90, 25% còn lại được sản xuất từ các năm 60-70 của thế kỷ 20, như vậy đã lạc hậu nhiều thế hệ. 80% số máy "mới" này được coi giá lên gấp 3-4 lần. Vốn cố định tập trung chủ yếu tại các DNTU (trung ương), vốn DNTU lớn gấp 7 lần các DNĐP (địa phương), vốn bình quân chỉ 4,2 tỷ đồng.

Tổng kiểm tra quyết toán 1994 cho thấy số lãi thu được khoảng 7.000 tỷ đồng, DNTU bình quân 3,6 tỷ đồng / năm, DNĐP 318 triệu đồng / năm. Năm 1995, 1 đồng vốn kinh doanh mang lại 0,19 đồng tích lũy và 0,32 đồng nộp ngân sách, tỷ lệ lợi nhuận này được đánh giá không đạt yêu cầu. Ước 20% số vốn đã bị mất trong kinh doanh.

Theo số liệu thống kê, các DNNN huy động vốn ngoài vốn nhà nước gấp 2,3 lần số vốn nhà nước cấp phát, vào thời điểm ngày 31.12.1995. Chưa kể nợ ngân hàng: vay lưu động và vay để đầu tư, các khoản phải thu của các DNNN đến cuối 1994 là 33.000 tỷ đồng, bằng 20% so với tổng doanh thu, 54% so với tổng số vốn. Nếu tính cả khoản chênh lệch phải trả và phải thu, số vốn huy động gấp 2,7 lần số vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. DNTN

Hiện nay có 25.000 doanh nghiệp tư nhân có giấy phép hoạt động, với số vốn khoảng 10.000 tỷ đồng, tập trung tại các TP lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Quảng Nam Đà Nẵng, hầu hết hoạt động trong ngành thương mại, dịch vụ, chế biến lương thực, thực phẩm, xây cất, chưa đến 1% hoạt động trong lãnh vực công

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM

THỰC TRẠNG VÀ PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT

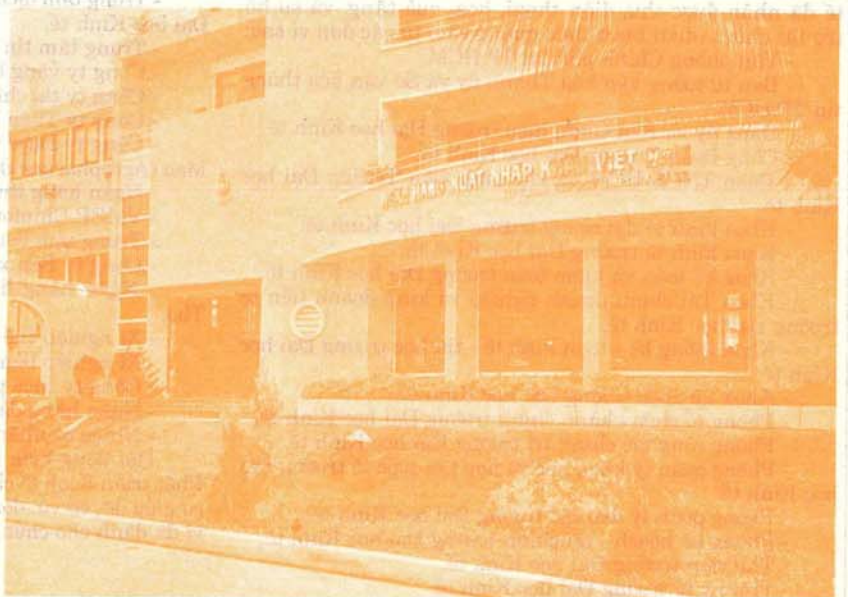
TS. LÊ KHOA

hàng tháng trả cho người gửi tiền, ngân hàng cũng cho các xí nghiệp vay tiền ngắn hạn dài hạn và được người vay trả lãi suất, vay tiền ngân hàng. Thị trường tài chính có thể tạm định nghĩa như sau:

(a) theo nghĩa rộng, thị trường tài chính gồm cả 2 thị trường chứng khoán và tiền tệ.

(b) theo nghĩa hẹp, thị trường tài chính là nơi các xí nghiệp tìm các nguồn vốn để thỏa mãn những nhu cầu vốn lưu động và cố định của xí nghiệp.

Thật ra, một số các danh từ kinh tế Việt Nam chưa được xác định rõ ràng, cụm từ thị trường tài chính có nhiều nghĩa, tùy theo tác giả hay cơ quan. Trong bài này, chúng tôi xin hạn chế trong định nghĩa hẹp (b). Để tìm hiểu thị trường tài chính Việt Nam hiện nay, chúng tôi xin mô tả vắn tắt các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và doanh nghiệp tư nhân (DNTN), nhu cầu vốn và việc vay tiền, bán cổ phần để thỏa mãn các



ngiệp. Có khoảng 100 DNTN được phép liên doanh với các xí nghiệp nước ngoài. Số DNTN tuy nhiều gấp 4 lần số DNNN, nhưng vốn chỉ bằng 13-14% so với vốn DNNN.

Qua kiểm tra, hầu hết DNTN không có sổ sách kế toán, nếu có thì có hệ thống kế toán tồi, như Cục kiểm tra thuế Quận 1 TP Hồ Chí Minh kiểm tra 217 DNTN, đã phát hiện tới 169 DNTN trốn thuế 700 triệu đồng. Một số DN đã lập hồ sơ ma vay nhiều số tiền quan trọng của ngân hàng, v.v...

DNNN và DNTN Việt Nam đều phải chịu sức ép cạnh tranh rất mạnh của DN nước ngoài. Ước từ 1988 đến nay các DN nước ngoài đã đầu tư 8 tỷ USD, số tiền đầu tư này tập trung trong một số ít DN, nên các DN nước ngoài có vốn lớn hàng nhiều trăm triệu USD/DN và có máy móc trang bị tối tân, tỷ lệ vốn riêng / vốn vay cao.

II. VỀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VỐN HUY ĐỘNG ĐƯỢC TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

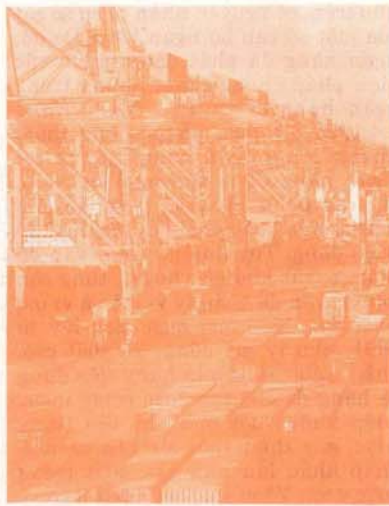
Vấn đề quan trọng là xét xem các DNNN và TN Việt Nam vay tiền để đầu tư, mua sắm thiết bị mới, hay vay vốn luân chuyển để sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tồn kho hàng nhập khẩu, hay vay để mua nhà đất, vay nợ cũ để trả nợ mới, hay vay tiền để lừa đảo, xâm chiếm tài sản xã hội chủ nghĩa và tiêu dùng xa hoa.

1. Vay tiền để đầu tư

Vay tiền để đầu tư, mua sắm thiết bị mới là hành động mạnh nhất để công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc gia. Ở trên đã đánh giá có 5% thiết bị "mới" được nhập khẩu trong các năm gần đây: số thiết bị "mới" này thường lạc hậu nhiều thế hệ và cơ giá lên gấp nhiều lần. Như vậy, từ 1991 đến nay chỉ "đổi mới" thiết bị theo kiểu nhập máy cũ tổng số là 5% so với số thiết bị đã có và cơ giá lên gấp 3-4 lần, rõ ràng không đạt yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các tài liệu về đầu tư của Sở công nghiệp TP Hồ Chí Minh cho thấy từ năm 1991 đến nay số đầu tư đổi mới thiết bị chưa lên đến 10 triệu USD, so với số nhập khẩu hàng nhiều trăm ngàn USD của TP mỗi năm gần đây.

2. Vay tiền để tài trợ xuất nhập khẩu

Xuất khẩu xấp xỉ bằng nhập khẩu năm 1991 khoảng 2000 triệu USD/năm, đã tăng lên trên 7 tỷ USD xuất khẩu và 11 tỷ USD nhập khẩu năm 1996. Vay tiền để xuất nhập khẩu đều có tác dụng mạnh và tốt đến phát triển kinh tế (nếu không nhập siêu hàng tiêu dùng và hàng đã có thể chế tạo trong nước). Đặc biệt vay để tài trợ xuất khẩu có tác dụng rất mạnh đến phát triển kinh tế. Tuy nhiên, rất tiếc là theo các số nhập siêu được công bố, năm 1992 xuất siêu



+40 triệu USD, nhưng năm 1993: nhập siêu - 890, 1994 = -900, 1995 = -2.830, 1996 = -4.000, 5 tháng đầu năm 1997: khoảng 1,2 tỷ USD, tổng cộng từ 1993 đến nay nhập siêu -9.620 triệu USD, chưa kể nhập khẩu lậu chưa ngăn chặn được. Hàng nhập siêu phần lớn là hàng tiêu dùng hay vật tư sản xuất được khá nhiều tại Việt Nam như phân bón (đặc biệt phân phốt phát), sắt, thép, giấy, kính, đồ gốm, máy Diesel v.v... Do đó, tín dụng được tài trợ cho nhập khẩu trội hơn tín dụng tài trợ cho xuất khẩu, nhất là tín dụng này còn được hưởng thủ tục L/C trả chậm.

3. Vay tiền để tồn kho hàng chưa bán được

Khi hàng nhập khẩu đến bến cảng Việt Nam và được lấy ra để bán, theo nguyên tắc, ngân hàng buộc người nhập khẩu phải thanh toán L/C nhập khẩu rồi mới được lấy hàng ra. Nhưng thường khi, người nhập khẩu không có đủ tiền lấy hàng, xin ngân hàng lấy hàng theo thủ tục L/C trả chậm (ngân hàng phải bảo lãnh trả L/C cho nhà cung cấp nước ngoài), hoặc nếu L/C đã được thanh toán, người nhập khẩu xin được tiếp tục vay theo thủ tục tồn kho hàng chưa bán được, kéo dài trong nhiều tháng. Thủ tục này cũng được áp dụng đối với các hàng sản xuất trong nước nhưng chưa bán được.

Vào cuối năm 1996, lượng tồn kho hàng tăng lên khoảng 500.000 tấn xi măng, 270.000 tấn thép trị giá khoảng 700 tỷ đồng, hàng chục ngàn tấn giấy, nhiều trăm ngàn TV màu, 1.000.000 tấn phân bón v.v... do nhập khẩu quá nhiều chưa bán được. Do đó, tín dụng tồn kho phải tăng tương ứng, lên đến những số tiền rất lớn. Các xí nghiệp không có tiền trả lương nhân công, đóng thuế cho nhà nước, trả lãi đáo hạn cho ngân hàng, buộc phải

bán hàng với giá rẻ hơn giá thành, đây là một trong những lý do khiến cho chỉ số giá trong một số tháng đã trở nên "âm".

4. Vay tiền mua đất và nhà để bán

Từ 1990 đến 1995, giá nhà đất tăng rất nhanh, nhiều xí nghiệp đã "kinh doanh địa ốc": mua đất và xây nhà trong 4-5 tháng rồi bán, có thể lời gấp 50%-300% số vốn bỏ ra. Các xí nghiệp đem nhà và đất thế chấp cho ngân hàng, hoặc dùng vốn vay bằng thủ tục L/C trả chậm vay tiền ngoại tệ nước ngoài với lãi suất rẻ hơn so với lãi suất trong nước để mua nhiều nhà đất. Công việc này tiến hành trôi chảy khi giá nhà đất được nâng cao nhanh và nhà đất bán chạy, có thể chuyển để dành nhà đất thành tiền bất cứ lúc nào trong thời gian ngắn. Số tiền cho vay để mua nhà đất rất lớn, nếu ước theo số nhà được xây cất thêm mỗi năm, tuy nhiên vì các số liệu không được công bố nên rất khó ước tính một cách chính xác.

5. Vay tiền để trả nợ cũ, vốn và lời

Vốn ở nhiều DNNN rất mỏng, chỉ bằng 1/20 đến 1/10 so với vốn vay, nhiều xí nghiệp còn có tỷ lệ vốn riêng/vốn vay ít hơn. Một số xí nghiệp, ngay khi thành lập, đã được phân bổ một số nợ - nợ thì được phân nhưng các tích sản tương ứng với nợ được phân thường không có, vì lẽ đã mất mát hay thua lỗ trong kinh doanh của các xí nghiệp trước được các xí nghiệp mới thành lập "thừa kế". Do đó, nhiều xí nghiệp như Tamexco bắt buộc phải vay nợ cũ để trả nợ mới, ngoài phương pháp này không có cách nào khác để có vốn tiếp tục hoạt động.

Khi việc "vay nợ cũ để trả nợ mới" được áp dụng trên quy mô lớn, như Tamexco, lãi mới sẽ chồng vào vốn vay cũ và biến thành nợ mới: nợ mới sẽ tăng rất nhanh theo công thức lãi kép.

6. Vay nợ lòng vòng giữa các xí nghiệp với nhau

Sau giai đoạn sản xuất là giai đoạn bán hàng. Các xí nghiệp chỉ tự mình bán được một số ít hàng làm ra, phần lớn phải "ký gửi hàng" cho các xí nghiệp khác bán (đối với các thành phẩm), hay "cung cấp nguyên liệu vật tư trước, lấy tiền sau" (đối với các xí nghiệp sản xuất nguyên liệu vật tư, nông khoáng sản). Do đó các xí nghiệp chiếm vốn của nhau và do ở Việt Nam chưa sử dụng thương phiếu, nên các xí nghiệp giao hàng không có biện pháp đòi nợ hiệu quả với các xí nghiệp nhận hàng (Ở nước ngoài, các xí nghiệp nhận hàng phải ký nhận trả thương phiếu, khi thương phiếu đáo hạn, không trả, sẽ bị truy tố và tuyên án phá sản rất nhanh).

III. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHỒN VINH, ĐÌNH TRỆ KINH TẾ

Từ năm 1991, một quá trình phân vinh kinh tế được nhen nhúm do một số nguyên nhân : đầu tư và viện trợ nước ngoài tăng, giá nhà đất tăng, hàng tiêu dùng đang khan hiếm nên được cấp quota nhập khẩu là nắm chắc có lãi, giá nội chưa tăng nhiều so với tỷ giá cố định nên xuất khẩu có lãi nhiều, du lịch đang phát triển mạnh v.v... Ngân hàng cho vay khá dễ dàng, đặc biệt thủ tục L/C trả chậm giúp cho các xí nghiệp có thể bán hàng nhập, tạm chưa trả nợ ngân hàng mà xoay ra kinh doanh trong các lãnh vực "khác", xem ra có lãi nhiều, như mua nhà đất, chờ giá cao sẽ bán lại. Nhưng từ 1995 đến 1997, các viên ảnh "kinh doanh sanh lợi mau và dễ dàng" này không còn nữa. Nhập khẩu quá liều đưa đến hàng nước ngoài cạnh tranh khốc liệt hàng trong nước, không những làm cho các DN trong nước không bán được hàng, không trả được nợ ngân hàng, đóng thuế cho nhà nước, mà cả các xí nghiệp nhập khẩu cũng cạnh tranh khốc liệt với nhau, làm cho một số xí nghiệp nhập khẩu bị lỗ nặng. Mặc dù sản lượng gạo, điều, cà phê tăng, nhưng giá lại rất xuống. Giá nội tăng, trong khi tỷ giá sut khiến cho việc xuất khẩu hàng nội không còn có lãi nhiều. Nhà đất xuống giá khoảng 30%, kinh doanh du lịch năm 1996, số phòng cho thuê nhiều hơn số du khách tìm thuê phòng. Nhiều xí nghiệp như Epco, Minh Phụng bị lỗ nặng. Đầu năm 1997 xảy ra vụ Tamexco, ngân hàng trở nên dè dặt hơn trong việc cho vay tiền, các thể lệ cho vay và thế chấp được áp dụng áp dụng cẩn trọng hơn, kết quả : các xí nghiệp DNNN hay DNTN "đa số đều không đủ điều kiện" vay tiền. Ngay cả các xí nghiệp cũng dè dặt hơn trong việc vay tiền, vì vay phải đem thế chấp tài sản và trả nợ vốn và lãi, nếu không có thể ở tù, so với trước có thể "vay nợ cũ để trả nợ mới" và không bị hình phạt gì. Một số xí nghiệp đã bán tháo hàng để trả nợ để nhẹ việc phải trả lãi. Giá gạo điều rất xuống. Một quá trình đình đốn đối với một số xí nghiệp đã xảy ra. Khi một số xí nghiệp lớn như Epco, Tamexco, Minh Phụng v.v... bị vỡ nợ, sẽ kéo theo một số các xí nghiệp khác, đã cho những xí nghiệp này vay tiền và không thu hồi được những số tiền cho vay. Cũng tương tự như trên, khi nông dân bị lỗ vì giá điều, giá gạo xuống, nuôi tôm xuất khẩu bị dịch, nuôi cá bè bị lỗ, thì ảnh hưởng ngay đến việc giảm mua hàng công nghiệp hay hàng tiêu dùng. Làn sóng đình trệ được lan rộng trong các năm 1996-97, trái với các năm 1991-94 làn sóng phồn thịnh được lan rộng.

B. CÁC PHƯƠNG ÁN ĐỀ NGHỊ

Tình hình thị trường tài chính,

như trên có nguyên nhân từ sự sơ sót của một số cán bộ ngân hàng. Do đó, ngân hàng đã phát động mạnh các biện pháp chống tham nhũng trong ngân hàng (*Thời Báo Ngân Hàng* 2.4.1997 : 7 biện pháp chống tham nhũng trong ngân hàng). Riêng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, 208 cán bộ đã bị xử lý, trong đó có 3 trường hợp buộc phải bồi thường 130 triệu đồng. Tuy nhiên, ngoài vấn đề tham ô, rất khó giải quyết, cũng còn một số vấn đề quản lý vĩ mô và vi mô chưa đạt, hiệu quả được tích lũy từ 1991, như tỷ giá hối đoái, lãi suất cao, nhập siêu chủ yếu là hàng tiêu dùng và hàng đã chế tạo được trong nước, nhập khẩu vượt quá nhu cầu trong nước, gây thiệt hại lớn cho cả nhà nhập khẩu lẫn nhà sản xuất trong nước v.v... Về vi mô, các DNNN có tỷ lệ vốn riêng / vốn vay quá thấp, ngay khi thành lập đã được chia một số nợ lớn của tiền thân các xí nghiệp mới thành lập. Do phương pháp "trả nợ mới bằng nợ cũ" được áp dụng từ 1991, lúc bấy giờ lãi suất cao đến 3% tháng nên số nợ của DNNN, có nguồn từ lãi suất cao cộng thêm hàng tháng vào vốn vay, rất lớn và vượt khỏi khả năng hoàn trả của một số DN. Tiếp tục kinh doanh trong điều kiện lợi nhuận không đủ để trả lãi ngân hàng (chưa nói đến việc trả vốn vay) làm tăng rất nhanh số nợ phải trả cho các ngân hàng : nếu không trả được nợ các giám đốc có thể vào tù.

Tình hình rất phức tạp, có thể đề nghị nhiều phương án giải quyết, xin trình bày lần lượt như sau :

I. CÁC BIỆN PHÁP TÌNH THẾ : TAM THỜI GIẢI QUYẾT ĐƯỢC VẤN ĐỀ, NHƯNG KHÔNG GIẢI QUYẾT TẬN GỐC :

1. Phương án cho các DN tiếp tục được vay, mặc dù tỷ lệ vốn riêng / vốn vay rất mỏng :

a. Cho các xí nghiệp thu mua thóc ở ĐBSCL và các xí nghiệp chế biến hạt điều vay : Sau một thời gian đòi hỏi "đủ điều kiện bảo đảm" mới cho vay, tháng 4.1997, Ngân hàng nhà nước đã chỉ thị cho các ngân hàng thương mại, nông nghiệp cho các DN thu mua lúa gạo vay tiền. Riêng các doanh nghiệp mua hạt điều được Phó Thủ tướng Phan Văn Khải cho biết được vay tiền mua hết hạt điều trong nông dân. Ngày 31-5-97, Ngân hàng nhà nước có công văn số 417 tháo gỡ khó khăn : DNNN phương án vay vốn ngân hàng quốc doanh không thế chấp, không giới hạn theo tỷ lệ vốn điều lệ mà căn cứ và hiệu quả SXKD. Chuyển 3.000 tỷ đồng vốn ngắn hạn sang cho vay trung và dài hạn đối với các dự án do chính phủ chỉ định. Chương trình đánh bắt xa bờ được cấp 2.000 tỷ đồng. Cho vay ngắn hạn đủ để mua lúa, hạt điều.

b. Phá sản một số DN, kể cả

DNNN, kinh doanh thua lỗ kéo dài : Khi xí nghiệp được phá sản, sẽ gây ra các thiệt hại sau đây : (1) công nhân mất việc làm (2) các ngân hàng cho DN vay tiền sẽ mất số nợ vay, chỉ thu được phần nợ sau khi bán đấu giá các tài sản còn lại của xí nghiệp (3) trường hợp là DNNN, ngân hàng là một cơ quan nhà nước, sai áp và đem bán đấu giá tài sản của DNNN cũng là của nhà nước, rồi cuộc không giải quyết được vấn đề thua lỗ của nhà nước, khác với trường hợp ngân hàng sai áp và bán đấu giá tài sản DNTN hay DN nước ngoài, (4) nếu một xí nghiệp lớn, có vay tiền của nhiều xí nghiệp khác vỡ nợ, việc vỡ nợ của xí nghiệp lớn này có thể tạo ra những "vòng xoay" vỡ nợ khác, kéo theo sự vỡ nợ một loạt xí nghiệp con có liên quan với xí nghiệp mẹ.

c. Thay thế ông Tăng Minh Phụng và Liên Khui Thìn, giám đốc Minh Phụng và Epco bằng 1 ban giám đốc khác sau khi 2 ông bị bắt giam, cho ban giám đốc mới vay tiền và duy trì sự hoạt động bình thường của Epco và Minh Phụng, nhất là các hoạt động sản xuất và xuất khẩu.

2. Phương án tăng doanh thu và lợi nhuận các DN, để các DN này có khả năng trả nợ ngân hàng, đóng thuế cho nhà nước, có vốn riêng đầu tư sản xuất mở rộng. Đây là giải pháp cơ bản và hữu lý nhất. Tuy nhiên, cần lưu ý đến liều lượng áp dụng : thuốc cần uống đủ độ lượng, mới khỏi bệnh.

a. Tháng 3, ngân hàng đã nâng tỷ giá lên 500 đồng mỗi USD, đưa giá đồng USD lên 11.650 đồng. Trái với ý kiến của một số người, lo sợ rằng khi nâng tỷ giá lên sẽ thúc đẩy cho chỉ số giá tăng cao, tháng 3 là tháng nâng tỷ giá nhưng giá âm 1%, tiếp theo giá tháng tư âm 0,1%, tháng 5 âm 0,5%. Tuy nhiên so với cao điểm 13.255 đồng/USD các tháng cuối năm 1991, thì rõ ràng liều thuốc tỷ giá chưa đạt yêu cầu.

b. Nguyên nhân gây khó khăn do nhập siêu các hàng tiêu dùng và hàng đã chế tạo được ở Việt Nam, gây cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà nhập khẩu với nhau (như Epco-Minh Phụng -Tamexco bán phân dưới giá nhập để có thanh khoản) và do các nhà nhập khẩu cạnh tranh với hàng trong nước (như phân Epco -Minh Phụng-Tamexco cạnh tranh với phốt phát trong nước sản xuất, khiến cho nhà máy phốt phát trải qua thời kỳ khó khăn hơn bao giờ hết). Lý do là số phân nhập đến 4 triệu tấn năm, trong khi nhu cầu chỉ khoảng 3 triệu tấn. So với năm 1991, nhập khẩu từ 2 tỷ USD tăng lên đến trên 11 tỷ USD năm 1996, gấp hơn 5 lần (Theo thiên ý chỉ cần tăng khoảng 3 - 4 lần hay 6-8 tỷ USD / năm cũng là một cố gắng lớn trong việc nâng cao mức sống) Và

đó là chưa kể nhập khẩu lậu, chưa ngăn chặn được. Do đó những nhà quản lý kinh tế đã quyết định không nhập khẩu thêm phân bón, xi măng, giấy, xe đạp, xe gắn máy nguyên chiếc, đường v.v... trong quý 3-4 1997. Đây là quyết định hết sức đúng đắn, tuy nhiên cũng chưa đầy đủ vì các bảng danh sách chưa bao gồm hết các loại hàng cần phải bảo vệ và giảm nhập khẩu như sữa ngoại, bông vải ngoại, trái cây ngoại (như nho ngoại được nhập khẩu, cà phê uống liền được nhập khẩu, mỹ phẩm, v.v... gây thiệt hại cho ngành nuôi bò sữa, trồng cà phê, trồng nho v.v...). Lại còn hàng tiêu dùng nhập lậu "chưa ngăn chặn được" do tỷ giá quá thấp, như rượu (khoảng 100 triệu USD), thuốc lá ngoại, hàng tiêu dùng ngoại v.v...

c. Khẩn cấp sử dụng một số vốn khoảng 3000 tỷ đồng (dùng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn trong các dự án do chính phủ chỉ định) để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Một số ngành như xe đạp được đầu tư thêm, việc nhập xe đạp Trung Quốc được chặn lại để dành cho phát triển nội địa. Tuy nhiên, cũng có ý kiến là quy mô vốn 3.000 tỷ đồng chưa đủ để tạo phồn vinh kinh tế, vì chưa lên đến 300 triệu USD tính tròn (1 tỷ đồng = 100.000 USD), số tiền 300 triệu USD rất nhỏ so với số nhập siêu trên 4.000 triệu USD năm 1996.

II. CÁC BIỆN PHÁP "MẠNH" ĐỂ CHUYỂN TỪ MỘT TÌNH TRẠNG "KHỦNG LẠI" SANG PHÁT TRIỂN MẠNH GDP 14-15%/NĂM

1. Tỷ giá trên báo *Phát Triển Kinh Tế* tháng 11.1996, tác giả Văn Ngọc viết đại ý tóm lược như sau: Theo tính toán khá chính xác thì tỷ giá thực của ta là 13.400 đồng. Tỷ giá danh nghĩa cuối 1966 là 11.030 đồng tức là tiền ta đã lên giá 21%. Nó làm cho giá nhập khẩu hạ đi 21% nên dù đã tăng thuế suất đối với hàng nhập khẩu, các nhà sản xuất trong nước cũng không làm cách nào cạnh tranh lại được với cái giá rẻ như trên. Ngược lại, hàng xuất khẩu làm ra giá thành tăng 21% (do giá nội tăng), làm cho DN xuất khẩu lỗ hay không có lãi nhiều. Theo các tính toán riêng của chúng tôi, tỷ giá thích hợp khoảng 13.500-14.000 đồng/USD, cũng trùng với kết quả trên. Tuy nhiên, nếu muốn ngăn chặn được hàng nhập khẩu lậu, cần phải có chính sách thu hút các USD trôi nổi vào ngân hàng, do đó ngoài tỷ giá chính thức, cần có tỷ giá ưu đãi dành cho những người có USD ngoài ngân hàng như USD du khách, kiều hối, USD trôi nổi bán cho ngân hàng, với giá cao hơn 5%, 10% hay 15% so với giá chính thức. Số USD mua với giá cao này được dành bán với giá cao cho những người muốn

mua những mặt hàng ngoại (đã sản xuất được ở Việt Nam) để thỏa mãn nhu cầu những người muốn dùng hàng ngoại.

Với tỷ giá chính thức 13.500-14.000 đồng USD và tỷ giá ưu tiên cao hơn 5-15% dành cho các nghiệp vụ mua USD kiều hối, du khách, USD trôi nổi, bán cho các nhà nhập khẩu hàng tiêu dùng ngoại, sẽ đủ để giúp cho sản xuất nội địa phát triển mạnh.

2. Chính sách quota hạn chế hàng nhập khẩu: Danh sách hàng không nhập khẩu hay bớt nhập khẩu được đưa ra cho Quý 3/1997 còn thiếu một số mặt hàng cần được ngăn chặn, hay bớt nhập khẩu. Thí dụ sữa bột nhập quá nhiều, giá rẻ, làm cho việc phát triển đàn bò sữa bị chững lại. Có cần nhập khẩu nho ngoại không, bánh kẹo, cà phê uống sẵn không? Các linh kiện TV mẫu nhập khẩu quá nhiều, đưa đến ối động thị trường v.v... Chúng tôi kiến nghị Bộ Thương mại, khi lập ấn định quota nhập khẩu các loại hàng, nên tham khảo các ý kiến nhà sản xuất Việt Nam và chỉ nên nhập khẩu một phần số hàng thiếu mà thôi, để giữ giá cao và hàng bán chạy, như thế các xí nghiệp sẽ có thể trả nợ ngân hàng và đóng thuế cho nhà nước.

3. Chính sách hạ bớt lãi suất ngân hàng: Lãi suất theo danh nghĩa ngân hàng cho vay (trên 1% tháng) dù đã được ngân hàng hạ, nhưng vẫn còn quá cao so với lãi suất của Nhật (0,5 % tháng) hay các nước ngoài. cao hơn Nhật đôi chút). Thực tế lãi suất thực trong năm 1996 và 1997 đã tăng, do chỉ số giá đã âm trong nhiều tháng. Do đó, chúng tôi kiến nghị ngân hàng nên hạ thêm lãi suất theo danh nghĩa để giảm việc tăng lãi suất theo thực giá.

4. Chính sách tung tiền để đại đầu tư: Do chỉ số giá đã âm, cần tung tiền đại đầu tư để kích cho giá lên và tạo doanh thu và lợi nhuận cao cho các xí nghiệp. Quy mô tung tiền có thể lên đến 4.000 triệu USD (bằng với nhập siêu 1996 = thay vì nhập siêu hàng tiêu dùng, nên dùng tiền ấy để nhập máy đại đầu tư). Với số tiền tung ra, có thể hoàn thành nhanh cảng Dung Quất, Vũng Tàu, một loạt khu chế xuất và giải quyết nạn "thừa" sắt, xi măng, biến thành "thiếu", gây ra một đợt đại đầu tư mới trong 2 ngành này.

5. Chính sách chuyển tín dụng từ tài trợ cho nhập khẩu, cho vay để trả nợ cũ, mua nhà đất, tồn kho hàng ứ đọng sang chính sách cho vay để tân trang thiết bị: Cần có chính sách ưu đãi cho đầu tư: phân loại các tín dụng cấp phát, tín dụng cho đầu tư tân trang thiết bị được hưởng lãi suất ưu tiên (tỷ như 0,4-0,5%) còn các loại lãi suất khác cao hơn (tỷ như 1 đến

1,1% tháng). Để cho các ngân hàng thương mại và đầu tư không bị thiệt thòi, Ngân hàng nhà nước có thể tái tài trợ các hồ sơ vay tiền để đầu tư với lãi suất 0,3-0,4% tháng)

6. Chính sách "khoanh nợ", "củng cố", "xóa nợ": Trong nền kinh tế thị trường không tổ chức, sau một thời gian phồn thịnh, kéo dài khoảng 3-6 năm, lại xảy ra 1 thời gian đình đốn, kéo dài 3-6 năm. Trong thời gian đình đốn này, xảy ra các vụ việc như một số xí nghiệp lớn bị phá sản, kéo theo một số xí nghiệp nhỏ, GDP giảm, giá sụt, cổ phần bị mất giá v.v... Thời gian đình trệ có nhiệm vụ "lành mạnh hóa" tình hình tài chính của các xí nghiệp: những xí nghiệp vốn riêng / vốn vay thấp, quản lý không vững bị loại để nhường chỗ cho những xí nghiệp có vốn riêng nhiều và quản lý tốt hơn. Khi các xí nghiệp yếu đã bị loại, kể cả những ngân hàng bị thua lỗ nhiều qua biện pháp phá sản, sẽ còn lại những xí nghiệp vững mà thôi và ngân hàng cho vay trở lại: một quá trình phát triển mới bắt đầu, để rồi cũng rơi vào một giai đoạn đình đốn khác.

Đình đốn kinh tế gây rất nhiều thiệt hại cho nền kinh tế quốc gia.

Do đó, cần phải có chính sách chống đình đốn. Phương pháp hiệu quả nhất là Ngân hàng trung ương tung tiền, để thực hiện một chương trình đại đầu tư và khoanh nợ xóa bớt nợ cho một số xí nghiệp kinh doanh đứng đắn. Biện pháp này tránh được những thiệt hại của các giai đoạn đình đốn nhưng cần thay đổi chính sách tiền tệ ngân hàng từ tỷ giá cứng sang tỷ giá mềm và từ chống lạm phát sang chấp nhận tung tiền có chừng mực để xóa nợ và đại đầu tư

